

Bản án số: 194/2026/HS-PT

Ngày: 17/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Ngọc Anh**

Ông Phan Vĩnh Chuyên

- Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Chiên** - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Hữu Đãi Em** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2026/HS-PT ngày 05/3/2026 đối với bị cáo **Lương Thanh N** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự số 17/2026/HS-ST ngày 19/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lương Thanh N**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 26/4/2002 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: **Thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng**. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Căn cước công dân: 049202008453, cấp ngày 18/02/2023, nơi cấp: **Cục C** về TTXH - **Bộ C1**. Quốc tịch: Việt Nam. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: **L** (s) và bà **Phan Thị Q** (s). Gia đình có 3 người con, bị cáo là con thứ ba. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23/5/2025, **Lương Thanh N** gọi điện thoại rủ bạn là anh **Đinh Kim S** đi nhậu tại **nhà hàng P, thôn P, phường H, TP**, nhằm để chia tay **N** đi **Đ** làm phụ xe, anh **S** đồng ý. Khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, **S** điều khiển xe

mô tô hiệu Honda, SH125i màu trắng, biển số 92E1-660.24 đến nhà hàng, N và S đi vào phòng riêng trên tầng 2 để nhậu và hát Karaoke.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, N nhận được điện thoại của T (chưa xác định được lai lịch, là bạn quen biết khi làm phụ xe tải ở thành phố Hồ Chí Minh trước đó), yêu cầu trả nợ số tiền 70.000.000 đồng (chiều ngày 23/5/2025 T đi theo xe ngang qua Đà Nẵng nên yêu cầu N trả gấp). Lúc này, N đã có số tiền 21.000.000 đồng, chưa đủ tiền trả nợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô SH của anh S để cầm cố lấy tiền trả nợ. N nói dối anh S là cho mượn xe để đi công việc rồi quay lại ngay, anh S tưởng thật nên giao xe cho N mượn, trong cốp xe có sẵn một cái ví nhỏ bỏ Giấy đăng ký xe 92E1-660.24, một căn cước công dân mang tên Đinh Kim S.

N điều khiển xe đến tiệm C2 trên đường D, xã H, TP. cầm cố cho chị Phan Thị L lấy số tiền 50.000.000 đồng. Khi cầm cố, chị L có hỏi về chủ sở hữu xe thì N nói là xe của N. N đưa giấy đăng ký xe và căn cước công dân mang tên Đinh Kim S cho L kiểm tra, L thấy thông tin đúng nên nhận cầm cố. N nói chị L chuyển số tiền 50.000.000 đồng qua cho bạn (thực tế là chuyển qua cho N) qua số tài khoản 8316666668, ngân hàng T1, chủ tài khoản Lương Thanh N. Sau đó, N đón xe G quay lại nhà hàng P, để cái ví của anh S lên bàn (N bỏ Hợp đồng thế chấp trong ví) và tiếp tục nhậu. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, N nói đi ra ngoài giải quyết việc rồi về ngay nhưng N không quay lại, anh S gọi thì N nói đã cầm xe và hứa sẽ xoay tiền để lấy xe. Anh S đến nhà nói chuyện với gia đình của N, yêu cầu chuộc xe lại trả nhưng không được nên ngày 26/05/2025, S trình báo Cơ quan Công an.

Về vật chứng tạm giữ:

- Đinh Kim S:

+ 01 Hợp đồng thế chấp của Dịch vụ cầm đồ Xin L1, Bên A là Phan Thị L, bên B là Đinh Kim S, thế chấp xe mô tô SH 92E1-660.24, số tiền 50.000.000 đồng, từ ngày 23/5/2025 - 23/6/2025 (bản in lại qua giấy than), N đã ký xác nhận là đúng.

+ 14 tờ giấy A4, in hình ảnh tin nhắn zalo giữa Đinh Kim S với Lương Thanh N. Nội dung về việc N lừa lấy xe của S nên anh S yêu cầu N trả xe lại.

- Phan Thị L:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: SH125i, biển số 92E1-660.24, số khung: RLHJF9504NY170709, số máy: JF95E0185778.

+ 01 Hợp đồng thế chấp của Dịch vụ cầm đồ Xin L1, Bên A là Phan Thị L, bên B là Đinh Kim S, thế chấp xe mô tô SH 92E1-660.24, số tiền 50.000.000 đồng, từ ngày 23/5/2025 - 23/6/2025 (bản chính).

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 92000143, biển số 92E1-660.24, số loại: SH125i, mang tên Đinh Kim S.

+ 01 đĩa CD, lưu trữ 02 đoạn video, có độ dài lần lượt là 2 phút 14 giây và 0 phút 13 giây ghi lại hình ảnh Lương Thanh N đến giao dịch cầm đồ ở tiệm C2 ngày 23/05/2025.

- Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh S2: Thông tin chủ tài khoản và Liệt kê giao dịch tài khoản số 8316666668 của Lương Thanh N. Thể hiện có việc nhận số tiền 50.000.000 đồng từ Nguyễn Văn H, việc N chuyển đi số tiền 13.000.000 đồng và 36.000.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 16/7/2025 của Hội đồng ĐGTS trong TTHS, UBND thành phố Đ, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: SH125i, số khung: RLHJF9504NY170709, số máy: JF95E0185778, biển số 92E1-660.24 có trị giá: 60.000.000 đồng.

Đối với việc N dùng tiền cầm cố xe để trả nợ cho T, thì đưa trực tiếp cho T 21.000.000 đồng; theo yêu cầu của T thì N đã chuyển 13.000.000 đồng vào tài khoản số 7110101992, Ngân hàng K1, tên Mai Ngọc H1; 36.000.000 đồng vào tài khoản số 0011100015333002, Ngân hàng P1, tên Vũ Hoàng S1 - T nói là trả tiền phí làm hồ sơ để T đi lao động ở Nhật Bản.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã xác minh hai chủ tài khoản trên, kết quả:

+ Ông: Mai Ngọc H1 (sinh năm: 1992; trú: Tổ D, Ấp D, xã X, tỉnh Đồng Nai) khai: Đầu tháng 5/2025, H1 bị mất điện thoại, trong đó có cài sẵn ứng dụng ngân hàng và số tài khoản trên. Vì từ khi mở tài khoản Huyền không giao dịch, không có số dư nên không báo ngân hàng khóa tài khoản. Huyền không biết ai sử dụng tài khoản này, không biết ai tên T và N.

+ Ông: Vũ Hoàng S1 (sinh năm: 1993; trú: A L, phường N, tỉnh Khánh Hòa), qua xác minh S1 có đăng ký thường trú nhưng không sinh sống ở địa phương, không rõ đi đâu, làm gì.

Quá trình điều tra, bị cáo Lương Thanh N đã thành khẩn khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên. Lời khai của N phù hợp với lời khai của bị hại Đinh Kim S, người liên quan Phan Thị L, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

*** Về xử lý vật chứng:**

- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã trả lại cho chủ sở hữu Đinh Kim S: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: SH125i, biển số 92E1-660.24, số khung: RLHJF9504NY170709, số máy: JF95E0185778; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 92000143, biển số 92E1-660.24, số loại: SH125i, mang tên Đinh Kim S.

- Lưu hồ sơ vụ án những vật chứng còn lại đã thu giữ như trên.

Về dân sự: Bị hại Đinh Kim S đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; chị Phan Thị L đã nhận lại số tiền nhận cầm cố xe và đều không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại S có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2026/HS-ST ngày 19/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Lương Thanh N** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Lương Thanh N** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 21/01/2026, bị cáo **Lương Thanh N** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo **Lương Thanh N** thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như bản án sơ thẩm đã kết luận; giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo **Lương Thanh N** có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2026/HS-ST ngày 19/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng đã xét xử bị cáo **Lương Thanh N** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, xử phạt mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên mức án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do cần tiền trả nợ, ngày 23/5/2025 tại **nhà hàng P, thôn P, phường H, thành phố Đà Nẵng**, **Lương Thanh N** đã dùng thủ đoạn gian dối là giả vờ nói với bạn là anh **Đình Kim S** cho mượn xe mô tô hiệu Honda SH125i, biển kiểm soát số 92E1-660.24 để đi công việc và về ngay. Nhưng ngay sau khi mượn được xe, **N** đã mang xe cầm cố cho chị **Phan Thị L**, lấy số tiền 50.000.000 đồng để trả nợ cho **T** (chưa xác định được lai lịch). Trị giá tài sản chiếm đoạt là 60.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo **N** phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo **N** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo **Lương Thanh N** xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, thì thấy: Bị cáo là người có sức khỏe lao động, nhưng vì muốn có tiền để trả nợ nên bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã lợi dụng lòng tin và sự sơ hở trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô hiệu Honda SH125i, biên kiểm soát số 92E1-660.24 của bị hại anh **Đinh Kim S**. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội nên đối với bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được hưởng như: Bị cáo khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Phan Thị L**; chưa có tiền án, tiền sự; có ông ngoại là liệt sĩ, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp và trình bày có các tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và có cha ruột được tặng thưởng huân chương chiến công và chiến sĩ vẻ vang, bằng khen là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, các tình tiết này không làm thay đổi bản chất của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt cũng đã áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nghiêm trọng, do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tại Bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo **Lương Thanh N** không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lương Thanh N**; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2026/HS-ST ngày 19/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng về hình phạt đối với bị cáo.

2. Căn cứ vào: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lương Thanh N** 02 (hai) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Lương Thanh N** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - CATP Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 1;
- VKSND khu vực 1;
- Tòa án nhân dân khu vực 1;
- CQCSĐT CATP Đà Nẵng;
- Vụ GDKT I - TAND tối cao;
- Phòng GD, KT, TT và THA;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn